

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN B  
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **14/2020/HNGĐ-ST**

Ngày 22-6-2020.

Về việc: “*Ly hôn*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B  
TỈNH LÂM ĐỒNG**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Trần Văn Biên**.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà: **Nguyễn Thị Tài**.

2. Ông: **Phạm Đức Minh**.

*Thư ký phiên tòa:* Bà **Trần Thị Hà Vi** - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:* Bà **Vũ Ngọc Anh**-Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 22 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 289/2019/TLHNGĐ-ST ngày 31/12/2019 về việc “*Ly hôn*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2020/QĐXX-ST ngày 22/5/2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị Hải Y**, sinh năm 1990

Địa chỉ: Số nhà 79/20 đường Trần P, tổ 9, thị trấn L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng. *Có mặt.*

2. *Bị đơn:* Anh **Trần Thanh P**, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Số nhà 79/20 đường Trần P, tổ 9, thị trấn L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng. *Có đơn đề nghị vắng mặt.*

**NỘI DUNG VỤ ÁN :**

*Theo đơn khởi kiện ngày 27/11/2019 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Y và anh P có tìm hiểu yêu nhau được 04 năm thì quyết định kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 29/12/2013. Hôn nhân tự nguyện, không bị ai ép buộc, được gia đình hai bên đồng ý và có tổ chức lễ cưới theo phong tục. Trong thời gian chung sống giữa vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh P chơi bời, nhậu nhẹt, cá độ bóng đá,... không chăm lo cho gia đình. Do vợ chồng

xảy ra nhiều mâu thuẫn nên năm 2016 chị làm đơn ly hôn và được Toà án hoà giải nên chị rút đơn về đoàn tụ nhưng anh P không thay đổi. Vợ chồng không còn sống chung từ tháng 12/2019, tình cảm vợ chồng không còn nên chị Y yêu cầu được ly hôn với anh P.

- Về con chung: Chị Y trình bày vợ chồng có 02 con chung là Trần Ngọc Bảo C, sinh ngày 05/01/2015 và Trần Thiên P, sinh ngày 01/01/2017. Nay ly hôn chị Y yêu cầu nhận nuôi cả 02 con, không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

*Bị đơn anh Trần Thanh P trình bày:* Về quan hệ hôn nhân trong cuộc sống chung vợ chồng không có tiếng nói chung nên anh đồng ý ly hôn với chị Y. Về con chung anh yêu cầu được nuôi 01 con chung, Toà án giao cho anh nuôi người con nào thì anh nhận nuôi người con ấy, anh đồng ý giao cho chị Y nuôi dưỡng 01 con chung. Về tài sản chung, nợ chung không có.

Toà án đã tiến hành mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nhưng không được vì lý do anh P vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B đã phát biểu ý kiến về việc tuân theo Pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành Pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Về quan hệ hôn nhân: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Y và anh P được ly hôn với nhau; Về con chung: đề nghị giao 02 con chung cho chị Y tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi, buộc anh P phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng với số tiền 1.500.000 đồng/cháu/tháng; Về án phí: đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh P có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên áp dụng Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hải Y khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với anh Trần Thanh P nên xác định quan hệ tranh chấp “*Ly hôn*” và thuộc thẩm quyền của Toà án giải quyết theo quy định khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Y và anh P có tìm hiểu yêu nhau trong khoảng thời gian 04 năm và kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện B, tỉnh

Lâm Đồng vào ngày 23/10/2013 là hôn nhân tự nguyện, hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Trong thời gian sống chung, chị Y trình bày vợ chồng sống chung không hạnh phúc. Do vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn nên năm 2016 chị làm đơn ly hôn và được Toà án hoà giải nên chị rút đơn về gian đình đoàn tụ nhưng anh P không thay đổi làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn từ đó vợ chồng không còn sống chung nữa từ tháng 12/2019 đến nay. Còn anh P trình bày trong cuộc sống vợ chồng không có tiếng nói chung.

Qua xác minh tại địa phương cho thấy anh P thường xuyên chơi cờ bạc, cá độ bóng đá dẫn đến nợ nần. Tổ dân phố nơi anh chị sinh sống đã tiến hành tổ chức hoà giải nhưng anh P vẫn không thay đổi làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn, hiện nay giữa anh P và chị Y không còn sống chung với nhau nữa. Điều đó chứng tỏ hôn nhân giữa chị Y với anh P không hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân gia đình 2014 xử cho chị Y và anh P được ly hôn với nhau là có căn cứ và đúng pháp luật.

[4] Về con chung: Trong thời gian sống chung anh chị có 02 người con chung là Trần Ngọc Bảo C, sinh ngày 05/01/2015 và Trần Thiên P, sinh ngày 01/01/2017. Nay chị Y yêu cầu được nuôi cả 02 con chung, còn anh P cũng có nguyện vọng được nuôi 01 người con chung, nếu giao cho anh người con nào thì anh nhận nuôi người con ấy. Xét thấy, trong thời gian vợ chồng không còn sống chung với nhau từ tháng 12/2019 đến nay, các con chung do chị Y trực tiếp nuôi dưỡng vẫn phát triển khỏe mạnh bình thường, hiện nay các con chung còn quá nhỏ rất cần sự chăm sóc của mẹ. Đối với yêu cầu nuôi con chung của anh P thì qua xác minh tại địa phương cho thấy: anh P là người đam mê cờ bạc, thường xuyên vắng nhà, không quan tâm chăm lo cho gia đình vợ con. Do vậy, anh P đã vi phạm nghĩa vụ vợ chồng làm cho cuộc sống chung của vợ chồng không hạnh phúc dẫn đến phải ly hôn. Bởi lẽ đó, để ổn định cuộc sống và học tập của các con chung nên cần tiếp tục giao các con chung cho chị Y tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định của pháp luật. Tại phiên toà hôm nay, chị Y yêu cầu anh P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng với số tiền 1.500.000 đồng/tháng/cháu cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Xét thấy anh P là nhân viên Công ty TNHH MTV Nhôm Lâm Đồng-TKV có thu nhập ổn định nên buộc anh Trần Thanh P có nghĩa vụ phải cấp dưỡng nuôi các con chung hàng tháng với số tiền 1.500.000 đồng/tháng/cháu cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi, thời điểm bắt đầu cấp dưỡng tháng 6/2020 là phù hợp nên chấp nhận.

[5] Về tài sản chung: chị Y, anh P tự thoả thuận không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nợ chung: chị Y, anh P đều trình bày không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Căn cứ Điều 143, Điều 144, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Nguyễn Thị Hải Y xin ly hôn nên buộc chị Y phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, anh P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung nên buộc anh P phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH :**

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 143, Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117, Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình 2014; Điều 39, Điều 357 của Bộ luật dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hải Y về việc “Ly hôn” với bị đơn anh Trần Thanh P.

Xử cho chị Nguyễn Thị Hải Y và Trần Thanh P được ly hôn với nhau.

2. Về con chung: Giao các con chung là Trần Ngọc Bảo C, sinh ngày 05/01/2015 và Trần Thiên P, sinh ngày 01/01/2017 cho chị Nguyễn Thị Hải Y tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi; buộc anh Trần Thanh P có trách nhiệm phải cấp dưỡng nuôi con chung là Trần Ngọc Bảo C, sinh ngày 05/01/2015 và Trần Thiên P, sinh ngày 01/01/2017 hàng tháng với số tiền 1.500.000 đồng/cháu/tháng cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi, thời điểm bắt đầu cấp dưỡng từ tháng 6/2020.

*Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn cũng như việc thăm nom, chăm sóc con theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.*

*Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải trả số tiền lãi, tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự.*

3. Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị Hải Y phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2016/0019507 ngày 31/12/2019 tại Chi cục thi hành án dân

sự huyện B, tỉnh Lâm Đồng, chị Y đã nộp đủ án phí; buộc anh Trần Thanh P phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai, chị Y có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh P vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Lâm Đồng <sup>(2)</sup>
- VKS huyện B;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Các đương sự;
- CC.THADS huyện B;
- UBND xã L;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**  
(Đã ký)

**Trần Văn Biên**